

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2017/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn đầu tư thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, phân đấu giảm nghèo bền vững trên địa bàn 6 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1953/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 12 năm 2016 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 283/BC-STP ngày 22/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn đầu tư thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, phân đấu giảm

nghèo bền vững trên địa bàn 6 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện miền núi và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
**Về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn đầu tư thực hiện
phát triển kinh tế - xã hội, phần đầu giảm nghèo bền vững
trên địa bàn 6 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 07/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn đầu tư thuộc các chương trình, dự án thực hiện trên địa bàn 06 huyện miền núi trong giai đoạn 2017 - 2020, bao gồm: Ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn tín dụng Nhà nước, vốn hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn miền núi, bao gồm 06 huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà và Trà Bồng;

2. Các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội trên địa bàn 06 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi.

Chương II
CƠ CHẾ LỒNG GHÉP VÀ QUẢN LÝ CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 3. Nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn đầu tư

1. Quy trình lồng ghép các nguồn vốn đầu tư của các dự án, chương trình được thực hiện đồng bộ, thống nhất từ khâu lập, phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả;

2. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện một hoặc nhiều chương trình, dự án trên địa bàn; trong đó phải phân định cụ thể tỷ lệ, cơ cấu đối với từng nguồn vốn đầu tư trong tổng mức đầu tư;

3. Cơ cấu các nguồn vốn đầu tư lồng ghép phải kế hoạch hóa hàng năm và trong hồ sơ dự án, để cơ quan quản lý cân đối kế hoạch nguồn vốn đầu tư các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn; tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án;

4. Dự án được lồng ghép phải có trong các quy hoạch, đề án hỗ trợ giảm nghèo bền vững và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn 06 huyện miền núi;

5. Trong quá trình thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư khác nhau từ các chương trình, dự án phải đảm bảo nguyên tắc có nhiệm vụ và mục tiêu tương đồng; trong quá trình lồng ghép không làm thay đổi mục tiêu riêng và đảm bảo tính hiệu quả đầu tư của các chương trình, dự án khi tham gia lồng ghép;

6. Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ các nguồn vốn do tỉnh quản lý trong kế hoạch hàng năm và kế hoạch trung hạn cho các huyện nghèo trong tổng mức vốn được phê duyệt để thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện nghèo; Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi có trách nhiệm cân đối các nguồn lực của địa phương đảm bảo tuân thủ nghiêm túc cơ cấu nguồn vốn đầu tư đã được phê duyệt;

7. Trong phân bổ và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, phải ưu tiên bố trí các nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao dân trí, an sinh xã hội, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo; đảm bảo đầu tư có tính bền vững; hoàn thành các tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn;

8. Tuyệt đối không được cân đối nhiều nguồn vốn đầu tư cho nhiều dự án có cùng mục tiêu, nhiệm vụ trên cùng địa bàn huyện hoặc xã (được nêu cụ thể tại Điều 4 Quy định này).

Điều 4. Các dự án đầu tư thuộc phạm vi thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn 06 huyện miền núi, bao gồm:

1. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng nông, lâm, ngư nghiệp (hệ thống thủy lợi nội đồng, tưới tiêu, cung cấp nước sạch);

2. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khắc phục ô nhiễm môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh;

3. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông (hệ thống các công trình giao thông từ huyện đến trụ sở Ủy ban nhân dân các xã và hệ thống giao thông khác);

4. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng điện (hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện, xã);

5. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị ngành giáo dục, giáo dục nghề nghiệp (các trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Dân tộc nội trú, Phổ thông Dân tộc bán trú và các cơ sở giáo dục, dạy nghề khác);

6. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng y tế (hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế);

7. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng văn hóa, thông tin và truyền thông (hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa trên địa bàn huyện, xã gồm đài truyền thanh xã; nhà văn hóa, thể thao; nhà sinh hoạt cộng đồng xã, thôn, bản, ấp; trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại cơ sở);

8. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ (hệ thống chợ, trung tâm mua sắm, các cơ sở dịch vụ).

Điều 5. Các nguồn vốn đầu tư huy động lồng ghép

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương bổ sung cân đối ngân sách địa phương, vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương hỗ trợ trên địa bàn 06 huyện miền núi và các chương trình, dự án, nhiệm vụ khác);

2. Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới);

3. Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu;

4. Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ;

5. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ không hoàn lại được tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ;

6. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương các cấp (tỉnh, huyện và xã);

7. Nguồn vốn tín dụng (bao gồm: tín dụng ưu đãi, tín dụng thương mại);

8. Nguồn vốn đóng góp của địa phương; các doanh nghiệp và của các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước.

Điều 6. Nội dung thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương, bao gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung cân đối ngân sách địa phương;

b) Nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương, bao gồm: Chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị khóa IX; Chương trình phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản; Chương trình củng cố, nâng cấp đê sông; Chương trình bố trí sắp xếp dân cư; Chương trình hỗ trợ di dân vùng đồng bào dân tộc; Chương trình phát triển rừng bền vững; Chương trình hỗ trợ đầu tư trụ sở xã; Chương trình đầu tư hạ tầng du lịch; Chương trình phát triển thương mại miền núi và các chương trình, dự án khác do Chính phủ hỗ trợ cho địa bàn các huyện miền núi trong giai đoạn 2016-2020.

Tùy theo mục tiêu, nhiệm vụ của các dự án thành phần của các chương trình để thực hiện lồng ghép vào các dự án đầu tư theo mục tiêu được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, bao gồm:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Dự án 1 - chương trình 30a, lồng ghép Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì). Dự án 2 - chương trình 135 (Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan chủ trì) lồng ghép Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn, để thực hiện lồng ghép vào các dự án đầu tư theo mục tiêu được quy định tại Điều 4 của Quy định này;

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì): Lồng ghép các dự án thực hiện nội dung số 02 - Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội, được quy định chi tiết tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (bao gồm từ nội dung 01 đến nội dung 09), để thực hiện lồng ghép vào các dự án đầu tư theo mục tiêu tương ứng được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

3. Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu (21 chương trình theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ), bao gồm:

a) Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững; Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì): Lồng ghép các dự án thành phần: Cấp nước sinh hoạt nông thôn; vệ sinh môi trường nông thôn; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp; để thực hiện các dự án được quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quy định này, nhằm nâng cao năng lực phát triển lâm nghiệp; tái cơ cấu kinh tế; nâng cấp hệ thống tưới tiêu, đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho sản xuất cây trồng, vật nuôi; phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư;

b) Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích; Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì): Lồng ghép các dự án thành phần: Phòng, chống ô nhiễm môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng bền vững, để thực hiện các dự án được quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Quy định này, nhằm nâng cao năng lực cơ sở vật chất hạn chế ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu;

c) Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo (Sở Công Thương là cơ quan chủ trì): Lồng ghép các dự án thành phần phát triển hệ thống điện nông thôn để thực hiện các dự án được quy định tại Khoản 4, Điều 4 của Quy định này nhằm nâng cao năng lực cơ sở vật chất cung cấp điện phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt trên địa bàn;

d) Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn (Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì): Lồng ghép các dự án thành phần: Hỗ trợ đầu tư xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường, điểm trường có học sinh phổ thông dân tộc bán trú, học sinh dân tộc ít người để thực hiện các dự

án được quy định tại Khoản 5 Điều 4 của Quy định này, nhằm nâng cao năng lực cơ sở vật chất ngành giáo dục, phục vụ nhu cầu dạy và học, nâng cao dân trí;

đ) Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm, an toàn lao động và Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì): Lồng ghép các dự án thành phần: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các trường, trung tâm dạy nghề; trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giới thiệu việc làm; để thực hiện các dự án được quy định tại Khoản 5 Điều 4 của Quy định này, nhằm nâng cao năng lực cơ sở vật chất đào tạo nghề, tạo việc làm, tăng cường công tác xuất khẩu lao động, giảm nghèo trên địa bàn;

e) Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; Chương trình mục tiêu đầu tư Phát triển hệ thống y tế địa phương (Sở Y tế là cơ quan chủ trì): Lồng ghép các dự án thành phần: Phòng chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng; Dự án tiêm chủng mở rộng; Dự án chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình; để thực hiện các dự án được quy định tại Khoản 6 Điều 4 của Quy định này, nhằm nâng cao năng lực cơ sở vật chất y tế, thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình; tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, vệ sinh-an toàn thực phẩm;

g) Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa và Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì): Lồng ghép các dự án thành phần: Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích; Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hoá và du lịch các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa; để thực hiện các dự án được quy định tại Khoản 7 Điều 4 của Quy định này, nhằm hoàn thiện các thiết chế văn hóa, xây dựng con người mới, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân; đẩy mạnh hoạt động du lịch;

h) Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin (Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì): Lồng ghép các dự án của Chương trình để thực hiện các dự án được quy định tại Khoản 7 Điều 4 của Quy định này, nhằm nâng cao năng lực cơ sở thông tin, truyền thông, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của hệ thống chính trị xã hội vững mạnh và nhu cầu của đời sống;

i) Các Chương trình mục tiêu còn lại khác do các sở, ngành chủ trì: Lồng ghép thực hiện các dự án được quy định tại Điều 4 của Quy định này, nhằm thực hiện các mục tiêu tương ứng của các chương trình.

4. Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: Tùy theo quy định quản lý, sử dụng và kế hoạch giao chi tiết vốn trái phiếu Chính phủ trong giai đoạn 2016-2020 của Chính phủ, để bố trí lồng ghép phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của các dự án được quy định tại Điều 4 của Quy định này;

5. Nguồn vốn ODA: Trong quá trình lập dự án, tùy theo mục tiêu, tiêu chí của từng nguồn vốn do nhà tài trợ đưa ra, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản, giáo dục, y tế .v.v... để thực hiện lồng ghép được quy định tại Điều 4 của Quy định này;

6. Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác của tỉnh: Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ bố trí nguồn vốn này để ưu tiên đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn, xã xây dựng nông thôn mới; các đề án giai đoạn 2016-2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tùy theo kế hoạch vốn phân bổ cụ thể cho từng đề án, để thực hiện lồng ghép nguồn vốn này vào các dự án được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

Ngoài các công trình hạ tầng kinh tế-xã hội quy định tại tiết a, điểm 1.1, khoản 1, Điều 5 của Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, tùy theo điều kiện đặc thù của các huyện miền núi; Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi, lựa chọn các danh mục dự án cấp bách, quan trọng đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư từ vốn ngân sách tỉnh và thực hiện kế hoạch lồng ghép nguồn vốn đầu tư theo đúng quy định;

7. Ngân sách huyện, xã: Nguồn ngân sách của huyện, xã cân đối đầu tư xây dựng theo hướng bổ sung, hỗ trợ để kích thích, thu hút các nguồn vốn khác; tăng cường trao quyền tự quản cho người dân và cộng đồng tổ chức thực hiện; nguồn vốn này tập trung vào những công việc có khả năng tạo xúc tác để thu hút các nguồn vốn từ đóng góp của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp cùng góp vốn thực hiện; đồng thời nguồn vốn này cần ưu tiên đầu tư cho phát triển sản xuất để thực hiện lồng ghép vào các dự án thuộc các lĩnh vực cho phù hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu; được quy định tại Điều 4 của Quy định này;

8. Nguồn vốn tín dụng: Gồm vốn tín dụng ưu đãi đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn tín dụng thương mại. Nguồn vốn tín dụng ưu đãi đầu tư của Nhà nước được phân bổ cho các huyện để thực hiện chương trình kiên cố kênh mương, phát triển giao thông nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng nuôi trồng thủy sản, hạ tầng làng nghề nông thôn hoặc mua xi măng và các vật liệu cần thiết khác hỗ trợ cho các xã điểm xây dựng nông thôn mới để xây dựng hệ thống giao thông, kiên cố hoá kênh mương nội đồng, làm cơ sở để góp phần thực hiện các tiêu chí giao thông, thủy lợi; để thực hiện lồng ghép vào các dự án thuộc các lĩnh vực cho phù hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu; được quy định tại Điều 4 của Quy định này;

9. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác: Gồm vốn đầu tư của doanh nghiệp; các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân; vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn huy động hợp pháp khác của chủ đầu tư, để thực hiện lồng ghép vào các dự án thuộc các lĩnh vực cho phù hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu, được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

Điều 7. Cơ chế quản lý nguồn vốn đầu tư lồng ghép

1. Các dự án lồng ghép các nguồn vốn đầu tư mà tỷ lệ nguồn vốn ngân sách Nhà nước chiếm từ 30% vốn trở lên thì thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng; cụ thể:

a) Đối với các nguồn vốn đầu tư lồng ghép từ nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn ngân sách Trung ương bổ sung cân đối ngân sách địa phương và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu); nguồn vốn trái phiếu Chính phủ; vốn hỗ trợ phát

triển chính thức (ODA), vốn viện trợ không hoàn lại được tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ... và nguồn vốn ngân sách địa phương có cơ cấu nguồn vốn trên 30% được thực hiện theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nhiệm vụ về quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chương trình, dự án có quy định riêng thì được áp dụng theo quy định riêng của chương trình, dự án đó;

b) Đối với nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn ngân sách tỉnh cân đối đầu tư xây dựng nông thôn mới; cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan có hiệu lực thi hành trong giai đoạn 2016-2020;

c) Đối với nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và các văn bản của các Bộ, ngành liên quan có hiệu lực thi hành trong giai đoạn 2016-2020.

2. Các dự án có lồng ghép các nguồn vốn đầu tư mà tỷ lệ nguồn vốn ngân sách Nhà nước chiếm dưới 30% vốn thì cơ chế quản lý theo cơ cấu từng nguồn vốn tham gia, đồng thời phải có sự thoả thuận sử dụng vốn nhà nước của cơ quan có thẩm quyền; đơn vị chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về chất lượng, quản lý tài chính và hiệu quả đầu tư của các nội dung được lựa chọn thực hiện đầu tư. Đối với các nội dung đầu tư sử dụng vốn ODA thì thực hiện theo Hiệp định ký kết với đối tác cấp ODA.

3. Đối với các nguồn vốn đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện tự huy động, bao gồm: Vốn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, huy động đóng góp của cộng đồng dân cư, .v.v... thì Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện vận dụng các văn bản quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hiện hành của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương để thoả thuận với bên tài trợ trong quá trình lập và triển khai thực hiện kế hoạch lồng ghép, đảm bảo thực hiện tiết kiệm và hiệu quả đầu tư; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng; thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá đầu tư dự án. Trường hợp, Ủy ban nhân dân xã không đủ năng lực theo quy định để quản lý dự án các dự án do mình làm chủ đầu tư thì thực hiện thuê tư vấn để quản lý, thực hiện dự án.

Điều 8. Quy trình tổ chức thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư hằng năm

1. Ở cấp xã

a) Bắt đầu từ tháng 4 hằng năm, Ủy ban nhân dân các xã căn cứ vào hướng dẫn xây dựng kế hoạch hằng năm; tình hình thực tế của địa phương và dự kiến các nguồn

vốn sẽ được đầu tư trong năm kế hoạch, tiến hành xây dựng danh mục đầu tư để thực hiện lồng ghép nguồn vốn đầu tư phát triển các dự án đầu tư theo mục tiêu tại Điều 4 của Quy định này;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xây dựng Kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư cho năm kế hoạch; tổ chức thảo luận lấy ý kiến tham gia đóng góp công khai của người dân, cộng đồng và các đối tượng có liên quan khác về danh mục công trình dự kiến đầu tư, cũng như kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn xã;

c) Việc lựa chọn danh mục công trình, dự án đầu tư phải có trong danh mục công trình, dự án của các đề án, các quy hoạch, kế hoạch đầu tư trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn giai đoạn 2016-2020; đồng thời bố trí, sắp xếp danh mục theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh, trình Hội đồng nhân dân xã thống nhất Kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư các chương trình, dự án trên địa bàn xã và gửi lên Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 30 tháng 5 hằng năm, để cho ý kiến và tổng hợp.

2. Ở cấp huyện

a) Sau khi có Kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn các xã; căn cứ vào khả năng cân đối các nguồn vốn trên địa bàn huyện và hướng dẫn lập kế hoạch kinh tế - xã hội, đầu tư phát triển hằng năm của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành theo đúng trình tự, thủ tục, nội dung quy định về công tác lập kế hoạch. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát danh mục đề xuất đầu tư của các xã, kiểm tra, tổng hợp Kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn các xã;

b) Kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư chương trình, dự án của huyện phải tuân thủ các nguyên tắc lồng ghép; đảm bảo huy động, lồng ghép được các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn huyện; đồng thời phải bám sát vào các chỉ tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới của Đề án phát triển kinh tế-xã hội, phấn đấu giảm nghèo bền vững của huyện;

c) Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt Kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư chương trình, dự án năm kế hoạch trên địa bàn huyện (bao gồm danh mục các công trình, dự án và đề xuất kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn, theo phụ lục quy định tại quyết định này). Kế hoạch cấp huyện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, để tổng hợp.

3. Ở cấp tỉnh

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh (chủ trì Dự án 135) tổ chức rà soát, đánh giá, đề xuất, tổng hợp Kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm

nghèo bền vững và các dự án, chương trình do Sở chủ trì, quản lý trên địa bàn 06 huyện miền núi; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, để tổng hợp;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tiến hành rà soát, đánh giá, đề xuất, tổng hợp Kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới và các dự án, chương trình do Sở chủ trì, quản lý trên địa bàn 06 huyện miền núi; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, để tổng hợp;

c) Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan chủ trì dự án 135 có trách nhiệm hướng dẫn, rà soát, đánh giá, tổng hợp đề xuất kế hoạch lồng ghép dự án 135 triển khai trên địa bàn 06 huyện miền núi; gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 7 hằng năm, để tổng hợp;

d) Các sở, ban, ngành được giao chủ đầu tư các chương trình, dự án trên địa bàn các huyện miền núi, nghiên cứu phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện miền núi thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư nhằm đảm bảo huy động nguồn lực; hạn chế sự phân tán, dàn trải; nâng cao hiệu quả dự án đầu tư; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, để tổng hợp;

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan; tổng hợp, xây dựng kế hoạch đầu tư vốn phát triển toàn tỉnh và kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện chương trình, dự án hàng năm; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương để tổng hợp. Thời gian hoàn thành trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

Điều 9. Giao kế hoạch và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn hằng năm

1. Sau khi dự toán Ngân sách Nhà nước hằng năm được Thủ tướng Chính phủ giao; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi, các cơ quan chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia và các cơ quan có liên quan rà soát, hoàn thiện và đề xuất phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển hàng năm và kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh, để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm. Trong đó, cần thực hiện đúng nguyên tắc lồng ghép, không bố trí vốn đầu tư dàn trải, phân tán (nhiều nguồn vốn cho nhiều dự án có cùng mục tiêu);

2. Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư hàng năm được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch và giao kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển hàng năm cho 06 huyện miền núi cùng với kỳ giao kế hoạch ngân sách hàng năm;

3. Căn cứ các nguồn vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, đồng thời rà soát các nguồn vốn huy động trên địa bàn; Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi tổng hợp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua phương án phân bổ và

quyết định kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn chương trình, dự án hàng năm trên địa bàn huyện cho các đơn vị thực hiện dự án, theo đúng thời gian quy định.

Điều 10. Quản lý, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn lồng ghép

1. Nguồn vốn đầu tư thực hiện lồng ghép các Chương trình, dự án được quy định cụ thể tại các quyết định giao kế hoạch hàng năm của Thủ tướng Chính phủ và thông báo vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

2. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn, kinh phí thực hiện lồng ghép các Chương trình, dự án từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương về tình hình và kết quả thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn 06 huyện miền núi;

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện miền núi tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, cả năm hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai kết quả lồng ghép thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình mục tiêu và các dự án khác của ngành trên địa bàn 06 huyện miền núi;

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện tổng hợp, báo cáo định kỳ; định kỳ hằng quý, 6 tháng, cả năm và đột xuất tổng hợp, báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 06 huyện miền núi;

4. Kho bạc Nhà nước - chi nhánh Quảng Ngãi: Định kỳ hàng tháng (vào ngày 05 của tháng sau) và kết thúc năm kế hoạch (vào ngày 15 của tháng 01 năm sau), báo cáo tình hình giải ngân kế hoạch vốn các chương trình, dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp báo cáo; chế độ và biểu mẫu báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước;

5. Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định cho các cơ quan chủ quản các Chương trình, dự án và các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan có liên quan để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, ngành liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giao kế hoạch vốn hằng năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững và các nguồn vốn lồng ghép khác trên địa bàn 06 huyện miền núi;

b) Chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư; rà soát, đề xuất danh mục dự án đầu tư và kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư của các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi, đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

c) Phối hợp với các sở, ngành và các địa phương xây dựng kế hoạch nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh hàng năm, đối ứng thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án khác trên địa bàn 06 huyện miền núi;

d) Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn hàng năm, giai đoạn của các dự án thuộc các nguồn vốn được lồng ghép theo quy định hiện hành.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, xã trên địa bàn 06 huyện miền núi triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các Chương trình mục tiêu do sở thực hiện;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện và Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn 06 huyện miền núi xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các đơn vị liên quan phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư trực tiếp cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu khác do sở thực hiện;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu lồng ghép các nguồn vốn do ngành quản lý; phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi xây dựng kế hoạch huy động, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư thực hiện các dự án dạy nghề, giải quyết việc làm;

đ) Thường xuyên theo dõi để kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện ở các địa phương để đề xuất các biện pháp giải quyết kịp thời, hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo;

e) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan rà soát, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện và Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác do sở chủ trì trên địa bàn 06 huyện miền núi;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các đơn vị liên quan phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư trực tiếp cho xây dựng nông nghiệp, nông thôn do Sở quản lý;

c) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, đơn đốc, hướng dẫn các xã triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án nông nghiệp, nông thôn đã thực hiện lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn 06 huyện miền núi;

đ) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu lồng ghép các nguồn vốn do ngành quản lý để đầu tư xây dựng nông thôn mới; phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện xây dựng kế hoạch huy động, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư thực hiện các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

e) Thường xuyên theo dõi để kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch lồng ghép các chương trình dự án của sở quản lý ở các địa phương, để đề xuất giải quyết, hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo;

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng; cơ chế thanh toán, quyết toán các nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước thực hiện lồng ghép từ các chương trình, dự án theo chế độ nhà nước quy định hiện hành;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư về giao kế hoạch vốn đầu tư hằng năm thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án.

5. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình cho các loại công trình theo ngành, lĩnh vực trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành để triển khai thực hiện;

b) Định hướng, hỗ trợ Ủy ban nhân dân các huyện; Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn 06 huyện miền núi xây dựng quy hoạch chi tiết và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

6. Các sở, ban, ngành liên quan

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch lồng ghép cụ thể từng chương trình, dự án do mình quản lý, ưu tiên việc lồng ghép vốn cho các xã thoát nghèo, xã đạt chuẩn quốc gia nông thôn mới;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn và đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân các nguồn vốn.

7. Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện

a) Chủ trì hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thanh toán vốn cho các dự án theo chế độ quy định; định kỳ báo cáo tình hình giải ngân nguồn vốn lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn khác theo quy định hiện hành;

b) Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi và các đơn vị liên quan tháo gỡ vướng mắc, đôn đốc; đẩy nhanh tiến độ giải ngân, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

8. Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi

a) Trên cơ sở Đề án Chương trình hỗ trợ giảm nghèo bền vững, chương trình xây dựng nông thôn mới và các đề án, chương trình khác đã được phê duyệt và đang triển khai trên địa bàn các huyện miền núi; căn cứ hướng dẫn của Chính phủ, các bộ ngành về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn vốn, hàng năm; chịu trách nhiệm xây dựng danh mục dự án đầu tư và kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn; rà soát, tổng hợp kế hoạch lồng ghép nguồn vốn đầu tư; gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan được quy định tại Điều 9 của Quy định này;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai lập kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển; xây dựng danh mục dự án đầu tư và kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đầu tư hàng năm và trung hạn các chương trình, dự án trên địa bàn xã;

c) Phối hợp với các sở ban ngành, các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch huy động, thu hút đầu tư, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

9. Ủy ban nhân dân các xã thuộc 06 huyện miền núi

a) Chịu trách nhiệm xây dựng, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên danh mục các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn xã, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện; đồng thời phải đảm bảo huy động được đủ nguồn vốn ngoài nguồn ngân sách Nhà nước đã cam kết, để thực hiện các chương trình, dự án;

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác quản lý các nguồn vốn ngân sách hỗ trợ và các nguồn vốn xã tự huy động để hoàn thành các tiêu chí; đảm bảo sử dụng đúng mục đích và hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn;

c) Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người dân đối với danh mục dự án đầu tư và kế hoạch lồng ghép nguồn vốn đầu tư; thực hiện giám sát đánh giá cộng đồng; định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các dự án, giải ngân các nguồn vốn cho Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng